

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/DS-ST
Ngày: 06-9-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bình và bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 228A, đường 3/2, khu phố 9, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Hồ Minh Tr, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 48A, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Mỹ T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 48A, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/01/2024, ông Hồ Minh Tr vay của ông A và bà N số tiền 550.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn trả nợ vào 25/3/2024, mục đích vay mượn: để kinh doanh. Ông Tr cam kết sẽ thanh toán tiền gốc và lãi đúng hạn như thỏa thuận. Tuy Nên, trong thời gian qua ông Tr chỉ trả lãi 3 tháng, tiền gốc chưa trả, đến nay đã quá hạn. Nay ông A và bà N yêu cầu ông Tr và bà T phải trả số tiền nợ vay gốc là 550.000.000đồng. Không yêu cầu trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Ông Hồ Minh Tr xác nhận có mượn của ông A và bà N số tiền 550.000.000đồng, mục đích vay kinh doanh. Vì tình hình kinh tế khó khăn nên ông Tr xin thỏa thuận với ông A và bà N cho ông Tr trả trước số tiền 250.000.000đồng vào ngày 30/6/2024 và đến ngày 01/6/2025 ông Tr trả dứt điểm số tiền 300.000.000đồng. Khi ông Tr mượn số tiền 550.000.000đồng thì vợ ông Tr không biết vấn đề vay mượn trên.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà T là vợ của ông Hồ Minh Tr, bà T không biết thông tin và không liên quan đến số tiền 550.000.000đồng mà ông Tr đã mượn của ông A và bà N.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Tr và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 550.000.000đồng và không yêu cầu trả lãi đến thời điểm xét xử. Tuy Nên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn trả xong tiền nợ.

Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Tr và bà T liên đới trả cho ông A và bà N số tiền nợ vay gốc là 550.000.000 đồng, không giải quyết về tiền lãi phát sinh. Tuy Nên, cần buộc vợ chồng bị đơn phải chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí: Buộc ông A và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn thanh toán tiền nợ vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 8, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn; **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ** Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy Tr tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định **xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản gốc của 01 giấy vay tiền đề ngày 25/01/2024; bị đơn thừa nhận nội dung, chữ ký và chữ viết tên trong giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết. Đây là tình tiết, sự kiện đã được các đương sự thống nhất thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn vay, có thỏa thuận lãi suất vay và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giao dịch vay tiền hiện qua giấy vay tiền đề ngày 25/01/2024 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có nợ vợ chồng nguyên đơn số tiền 550.000.000đồng nhưng bị đơn chỉ đồng ý trả nợ cho vợ chồng nguyên đơn với tư cách cá nhân của bị đơn, không liên quan đến bà Lê Mỹ T và bị đơn chỉ đồng ý thanh toán trước cho nguyên đơn số tiền 250.000.000đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán vào ngày 01/6/2025 nhưng nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả nợ của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, do hai bên không thỏa thuận được về phương thức thanh toán; do đó, phương thức thanh toán sẽ được giải quyết theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 25/01/2024 đã được bị đơn thừa nhận, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về xác định người có nghĩa vụ thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Mỹ T không thừa nhận khoản tiền mà ông Tr vay của ông A và bà N, tuy Nên theo lời khai của bị đơn thì mục đích vay tiền là để kinh doanh; nhận thấy, việc ông Tr thực hiện giao dịch vay tiền của vợ chồng nguyên đơn được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Tr và bà T, tuy Nên ông Tr và bà T không chứng minh được đây là nghĩa vụ riêng của ông Tr trong thời kỳ hôn nhân với bà T, đồng thời mục đích vay tiền là để kinh doanh, khi viết giấy vay tiền cũng chính ông Tr ghi thông tin vợ là Lê Mỹ T vào trong giấy vay tiền để tạo niềm tin để nguyên đơn cho vay tiền. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Tr và bà T liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc 550.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 27, 30, 33 và 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4.3] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không xem xét giải quyết về tiền lãi phát sinh.

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc vợ chồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 30, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc ông Hồ Minh Tr và bà Lê Mỹ T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền nợ vay gốc là 550.000.000 (bằng chữ: Năm trăm, năm mươi Tr) đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí:

- Buộc ông Hồ Minh Tr và bà Lê Mỹ T phải nộp số tiền 26.000.000 (bằng chữ: Hai mươi sáu Tr) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền 13.000.000 (bằng chữ: Mười ba Tr) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo các biên lai thu tiền số: 0004485 ngày 13 tháng 5 năm 2024.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận

+ 09 chứng từ giao dịch vào các

ngày 7/11/2023,

22/11/2023,

27/12/2023,

25/10/2022,

03/11/2022,

07/11/2022,

21/12/2022,

8/9/2022 (2 chứng từ)

+ 05 tài liệu gốc có nội dung mượn tiền đề

ngày 7/10/2022, (tiền mặt)

25/10/2022, (chuyển khoản)

03/11/2022, (chuyển khoản)

7/11/2022, (chuyển khoản)

11/5/2023, (tiền mặt)

30/01/2021, (tiền mặt)

02/1/2021, (tiền mặt)

24/1/2021, (tiền mặt)

22/4/2021, (tiền mặt)

27/1/2021, (tiền mặt)

15/4/2021, (tiền mặt)

20/9/2022, (tiền mặt)

08/9/2022 (chuyển khoản 2 lần: 01 lần 100Tr và 02 lần 40Tr)

và 21/12/2022 (chuyển khoản)